

MEISEI

Meisei Institute of Cybernetics

MIC 学校法人朝日学園
明生情報ビジネス専門学校 日本語科
日本語教育振興協会認定校 法務省告示校

Khoa tiếng Nhật. Trường Trung cấp kinh doanh - thông tin MEISEI
Trường được công nhận bởi Bộ Pháp vụ và Hiệp hội khuyến khích giáo dục tiếng Nhật

学校案内

Giới thiệu về trường



あなたの未来を開くのは「日本で学ぶ日本語」です。

Học tiếng Nhật tại Nhật Bản - Con đường mở ra tương lai cho bạn.

SINCE
1985

人とITで未来へ

日本を学び、日本で活躍し、夢を叶えてく Học về Nhật Bản, sống thật tích cực ở Nhật Bản, và bạn

理事長からのメッセージ

Thông điệp từ Chủ tịch

理事長 湯澤大介

明生情報ビジネス専門学校は教育の国際交流に早くから着目し、1997年から日本語科を設置して、初の留学生を迎えました。今まで中国・ネパール・ベトナム・スリランカ・モンゴル・韓国・タイ・ミャンマー・インドネシア等の国から7000人以上の卒業生を輩出し、現在も1500名を超える留学生が熱心に勉強しています。専門課程では、2001年に国際ビジネスコースを新設する等、留学生のためのプログラムを充実させています。皆様の入学を心よりお待ちしております。

Chủ tịch Daisuke Yuzawa.

Trường trung cấp thông tin - thương mại Meisei từ rất sớm đã có hướng đi tập trung vào giao lưu quốc tế trong lĩnh vực giáo dục, trường đã thành lập Khoa Tiếng Nhật và đã chào đón những lưu học sinh đầu tiên từ năm 1997. Cho đến nay, trường đã đào tạo tới trên 7000 lưu học sinh đến từ các quốc gia như Trung Quốc, Nepal, Việt Nam, Srilanka, Mông Cổ, Hàn Quốc, Thái Lan, Myanma, Indonesia, ... Hiện tại, có hơn 1500 lưu học sinh đang theo học tại trường. Ở bậc trung cấp, trường luôn nỗ lực đưa vào áp dụng những chương trình đào tạo phù hợp dành cho lưu học sinh, ví dụ, xây dựng khóa học Thương mại quốc tế vào năm 2001. Nhà trường mong muốn được chào đón các em tới Meisei học tập.



出願の流れ（4月生の場合） Quy trình nộp đơn <Trường hợp du học sinh nhập học tháng 4>



ださい！

hãy biến ước mơ trở thành hiện thực.

指導方針

Phương châm định hướng

1 入学者全員が実力を身につけ希望の進路に進めることを目標に指導を行います。

Nhà trường tiến hành định hướng cho du học sinh với mục tiêu trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết để tất cả học sinh của trường có thể đỗ vào các trường tốt nhất.

2 日本語学習の充実のために能力別クラス編成を行い、学力のレベルアップを図ります。

Phân chia lớp phù hợp với trình độ của học sinh sao cho học sinh có môi trường thuận lợi nhất để nâng cao trình độ.

3 母国と日本の文化、生活習慣の違いによるトラブルを未然に防ぐため、生活支援専門スタッフを配置。在学中の生活をサポートします。

Nhằm tránh tối đa những rắc rối có thể xảy ra do sự khác biệt về văn hóa, phong tục tập quán giữa Nhật Bản và quốc gia của học sinh, Nhà trường luôn có các nhân viên chuyên trách việc hỗ trợ sinh hoạt của học sinh trong suốt quá trình theo học tại trường.



日本語学科特徴

Đặc trưng của khoa tiếng Nhật

日本語学科特徴

留学ビザは
2年以上

● 4月生は2年3か月
10月生は2年

試験対策

● 学校にN1～N4、
或いは留学試験の
対策授業あり

奨学金制度

● 日本学生支援機構の
奨学金制度あり

Đặc trưng của khoa tiếng Nhật

Visa du học
từ 2 năm
trở lên

● Visa của du học sinh nhập
học tháng 4 là 2 năm 3 tháng
Visa của du học sinh nhập
học tháng 10 là 2 năm

Luyện thi

● Có giờ học ôn luyện
cho các kỳ thi JLPT
N1～N4 hoặc EJU

Chế độ học
bổng

● Có chế độ học bổng từ
JASSO

(原本
hồ sơ
gốc)

入管結果通知
Nhận thông báo
kết quả từ Cục
xuất nhập cảnh

学費入金
Đóng học phí

VISA取得
Nhận visa

入国
Đến Nhật

総合的な日本語能力を高める学校！

Là ngôi trường sẽ nâng cao năng lực tiếng Nhật của bạn



進学指導

Hướng dẫn con đường học lên tiếp để nâng cao trình độ

在學生はレベルの高い学校への進学を目指しており、そのため、初級が終わった段階で先生が親身になって学生に適切な進学先を一緒に探します。また大学院を目指している学生に対しては個別に研究企画書の書き方を指導します。

Học sinh đang theo học tại trường thường nhắm đến đích học tiếp lên, chính vì vậy, ở giai đoạn kết thúc trình độ sơ cấp, giáo viên sẽ tận tâm cùng với học sinh tìm những trường đại học thích hợp cho mỗi học sinh. Ngoài ra, đối với những học sinh có mục đích học lên cao học thì trường sẽ đặc biệt hướng dẫn cách viết Bản kế hoạch nghiên cứu.

卒業生のメッセージ Lời nhắn của học sinh đã tốt nghiệp

金多愛さん 韓国出身

私は日本にいる知り合いにすすめられて日本語を勉強し始めました。学校で卒業発表会やイベントにたくさん参加しました。将来は日本で学んだことを生かして講演などを行い、両国の懸け橋となるために頑張りたいです。

Bạn KIM DA AE đến từ Hàn Quốc

Tôi bắt đầu học tiếng Nhật sau khi được người quen tại Nhật cho lời khuyên. Ở trường Meisei, tôi đã tham gia những buổi diễn thuyết tốt nghiệp và nhiều sự kiện. Tương lai, tôi muốn tận dụng những bài giảng học được ở Nhật Bản để tiến hành các buổi diễn thuyết, muốn cố gắng để trở thành cầu nối tình cảm giữa hai nước.



ZULY LINさん ミャンマー出身

私はヤンゴン外国語大学で日本語を専攻しました。もっと日本語を勉強するために留学にきました。日本にきてスポーツ大会、新松戸祭りやスピーチコンテストに参加し、たくさんの人と交流ができました。学校の先生はみんな優しくて、困ったことを相談すると先生は一所懸命手伝ってくれます。今後は留学での経験を生かして帰国して頑張りたいと思っています。

Bạn ZULY LIN đến từ Myanmar

Tôi đã học chuyên ngành tiếng Nhật ở trường đại học Ngoại ngữ Yangon. Do muốn học tiếng Nhật thêm nữa nên tôi đã đến Nhật Bản du học. Khi đến Nhật, tôi đã tham gia đại hội thể thao, lễ hội Shinmatsudo, cuộc thi hùng biện, và được giao lưu với rất nhiều người. Giáo viên của trường đều rất tốt bụng, khi tôi gặp khó khăn, tôi đã nói chuyện với giáo viên và đã nhận được giúp đỡ nhiệt tình. Sau này, tôi muốn khi về nước bản thân sẽ cố gắng nhiều hơn để phát huy những kinh nghiệm khi đi du học.



日程表

時間	
午前クラス	9:00 ~ 9:45
	9:55 ~ 10:40
	10:50 ~ 11:35
	11:45 ~ 12:30
午後クラス	13:30 ~ 14:15
	14:25 ~ 15:10
	15:20 ~ 16:05
	16:15 ~ 17:00

Thời khóa biểu

Thời gian	
Lớp buổi sáng	9:00 - 9:45
	9:55 - 10:40
	10:50 - 11:35
	11:45 - 12:30
Lớp buổi chiều	13:30 - 14:15
	14:25 - 15:10
	15:20 - 16:05
	16:15 - 17:00

một cách toàn diện

進学実績

Thành tích cụ thể

大学院

日本大学大学院 駿河台大学大学院

大学

上智大学、慶応大学、茨城大学、東洋大学、大東文化大学、
芝浦工業大学、亜細亜大学、麗澤大学、流通経済大学、獨協大学、
中央学院大学、その他

専門学校

明生情報ビジネス専門学校国際ビジネスコース、日本電子専門学校、
早稲田国際ビジネスカレッジ、東京自動車大学校、中央工学校、
グレッグ外語専門学校、その他

Cao học

Khoa Sau Đại học - Trường Đại học Nhật Bản,
Khoa Sau Đại học - Trường Đại học Surugadai, ...

Các trường đại học

Đại học Sophia, đại học Keio, đại học Ibaraki, đại học Toyo,
đại học Văn hóa Daito, đại học công nghiệp Shibaura, đại học Asia,
đại học Reitaku, đại học Ryutsu Keizai, đại học Dokkyo,
đại học Chuo Gakuin, ...

Trường trung cấp

Khóa học Thương mại Quốc tế của trường Trung cấp Thương mại Thông tin Meisei,
trường Trung cấp Điện tử Nhật Bản, trường Trung cấp Thương mại Quốc tế Waseda,
trường Trung cấp Ô tô Tokyo, trường Trung cấp Công nghệ Chuo,
trường Trung cấp Greg Gaigo, ...

月	火	水	木	金
テスト対策	論文	聴解	文法	読解・文字語彙
テスト対策	論文	聴解	文法	読解・文字語彙
テスト対策	論文	聴解	文法	読解・文字語彙
テスト対策	論文	聴解	文法	読解・文字語彙
休憩時間				
語彙・漢字練習	文法 I	文法 II	読解	聴解
語彙・漢字練習	文法 I	文法 II	読解	聴解
語彙・漢字練習	文法 I	文法 II	読解	聴解
語彙・漢字練習	文法 I	文法 II	読解	聴解

Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Luyện thi	Viết tiểu luận	Nghe hiểu	Ngữ pháp	Đọc hiểu - Từ vựng
Luyện thi	Viết tiểu luận	Nghe hiểu	Ngữ pháp	Đọc hiểu - Từ vựng
Luyện thi	Viết tiểu luận	Nghe hiểu	Ngữ pháp	Đọc hiểu - Từ vựng
Luyện thi	Viết tiểu luận	Nghe hiểu	Ngữ pháp	Đọc hiểu - Từ vựng
Giờ nghỉ trưa				
Luyện tập từ vựng - chữ Hán	Ngữ pháp I	Ngữ pháp II	Đọc hiểu	Nghe hiểu
Luyện tập từ vựng - chữ Hán	Ngữ pháp I	Ngữ pháp II	Đọc hiểu	Nghe hiểu
Luyện tập từ vựng - chữ Hán	Ngữ pháp I	Ngữ pháp II	Đọc hiểu	Nghe hiểu
Luyện tập từ vựng - chữ Hán	Ngữ pháp I	Ngữ pháp II	Đọc hiểu	Nghe hiểu

一年行事スケジュール

Thời gian biểu các sự kiện diễn ra trong năm

4

Tháng 4

- ・前期授業開始・4月生入学式・遠足
- ・Bắt đầu học kì 1
- ・Lễ khai giảng cho học sinh nhập học tháng 4
- ・Đã ngoại



遠足
Đã ngoại

5

Tháng 5

- ・健康診断 (4月生)・社会見学
- ・Kiểm tra sức khỏe <học sinh tháng 4>
- ・Tham quan thực tế

6

Tháng 6

- ・日本留学試験 (第一回)・個人面談 (第一次)
- ・中間テスト
- ・Kì thi du học Nhật Bản <lần 1>
- ・Phòng vấn từng cá nhân <lần 1>
- ・Kiểm tra giữa kì



社会見学
Tham quan thực tế

7

Tháng 7

- ・社会見学・七夕・新松戸祭
- ・日本語能力試験 (第一回)
- ・Tham quan thực tế
- ・Ngày 7 tháng 7 Nguư Lang Chúc Nữ
- ・Lễ hội Shin-Matsudo
- ・Kì thi năng lực tiếng Nhật <lần 1>

8

Tháng 8

- ・夏休み
- ・Nghỉ hè

9

Tháng 9

- ・個人面談 (第二次)・学期末試験・文化祭
- ・Phòng vấn từng cá nhân <lần 2>
- ・Thi cuối kì・Lễ hội văn hóa

10

Tháng 10

- ・後期授業開始・10月生入学式・スポーツ大会
- ・Bắt đầu học kì 2
- ・Lễ khai giảng cho học sinh nhập học tháng 10
- ・Đại hội thể thao

11

Tháng 11

- ・健康診断 (10月生)・社会見学
- ・日本留学試験 (第二回)
- ・Kiểm tra sức khỏe <học sinh tháng 10>
- ・Tham quan thực tế
- ・Kì thi du học Nhật Bản <lần 2>

12

Tháng 12

- ・中間テスト・冬休み・日本語能力試験 (第二回)
- ・Kiểm tra giữa kì・Nghỉ đông
- ・Kì thi năng lực tiếng Nhật <lần 2>

1

Tháng 1

- ・書初め・弁論大会・社会見学
- ・Khai bút đầu năm・Thi hùng biện
- ・Tham quan thực tế

2

Tháng 2

- ・節分・卒業発表・学期末試験
- ・Nghỉ lễ ném đậu xua đuổi tà ma
- ・Phát biểu tốt nghiệp
- ・Thi cuối kì



卒業旅行
Du lịch dành cho học sinh tốt nghiệp

3

Tháng 3

- ・卒業旅行・卒業式・春休み
- ・Du lịch dành cho học sinh tốt nghiệp
- ・Lễ tốt nghiệp
- ・Nghỉ xuân

充実の支援制度 Hệ thống hỗ trợ lưu học sinh toàn diện

病院への同行、アルバイト紹介等、心配事や不安に対して万全なケアサポート体制を整えています。

Nhà trường có chế độ hỗ trợ toàn diện đối với những băn khoăn, lo lắng của lưu học sinh, sẽ đồng hành cùng các em tới bệnh viện khi ốm đau, giới thiệu việc làm thêm, ...

生活支援

Hỗ trợ đời sống

1. 学校の指定日に来日する学生に対して、空港への出迎えを行っています。
2. 区役所・市役所に職員が同行し、転入届や健康保険証の作成を手伝います。
3. 体調が悪い時には、病院に同行します。医療費は学校から還付されます。(規定あり)
4. 面接の指導等、アルバイトをするためのサポートをします。
5. 希望者には寮の手配をします。
6. 銀行の口座開設に同行し、通帳の使い方を指導をします。

1. Chuyên viên của trường sẽ đến đón du học sinh tại sân bay đối với những học sinh có thể đến Nhật theo ngày Nhà trường chỉ định.
2. Chuyên viên đi cùng du học sinh lên Ủy ban Quận, Thành phố và hỗ trợ làm các thủ tục lưu trú, bảo hiểm y tế.
3. Trong trường hợp học sinh đau ốm, chuyên viên của Nhà trường sẽ đồng hành cùng học sinh đến bệnh viện thăm khám. Chi phí y tế sẽ được hoàn lại từ trường. (theo quy định)
4. Nhà trường hỗ trợ học sinh trong hoạt động tìm kiếm việc làm bán thời gian bằng cách hướng dẫn học sinh cách thức tham gia phỏng vấn xin việc, v.v
5. Nhà trường sắp xếp ký túc xá cho học sinh có nguyện vọng.
6. Chuyên viên của trường sẽ đồng hành cùng học sinh khi đi mở tài khoản ngân hàng, và hướng dẫn học sinh cách sử dụng sổ ngân hàng.



学生寮

Kí túc xá

当校では学校近くに、多くの学生寮を用意しています。学生の皆さんが安心して日本での生活をスタートできるよう、全力でサポートします。

Nhà trường chuẩn bị sẵn rất nhiều ký túc xá dành cho học sinh gần khu vực trường. Chúng tôi sẽ hỗ trợ hết sức để học sinh có thể bắt đầu cuộc sống ở Nhật với sự an tâm.

シェアルーム	
説明	
部屋の広さなど	6畳～8畳間 (10～13m ²) + キッチン、ユニットバス、トイレ 共同使用
設備	冷蔵庫、給湯器、エアコン、洗濯機
注意事項	①初回費用は一括払いです。 ②光熱費と水道代は寮費に含まれます。 ③一度払った費用は払い戻し致しません。 ④寮は最低6か月契約となります。 ⑤布団は別途購入して頂きます。
継続利用の場合	6か月経過後も利用する場合は、退寮予定日の2か月前に申し込まなければなりません。

Phòng kí túc xá ở ghép	
Cụ thể	
Diện tích phòng	Khoảng 10 đến 13m ² + bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh chung
Thiết bị	tủ lạnh, máy làm nóng nước, điều hòa, máy giặt
Những điều cần lưu ý	① Thanh toán 1 lần dứt điểm các chi phí ban đầu ② Tiền nước và tiền điện đã bao gồm trong tiền thuê phòng ③ Các khoản đã nộp sẽ không hoàn trả lại ④ Hợp đồng thuê phòng ở kí túc xá sẽ kéo dài ít nhất 6 tháng ⑤ Tiền mua chăn đệm sẽ tính riêng
Trường hợp muốn sử dụng tiếp kí túc xá	Trường hợp muốn gia hạn hợp đồng thuê phòng kí túc xá sau 6 tháng đầu tiên, học sinh cần đăng ký gia hạn trước ngày hết hạn hợp đồng 2 tháng.

1人部屋	
説明	
部屋の広さなど	6畳間 (10m ²) + キッチン、ユニットバス、トイレ
設備	冷蔵庫、給湯器、エアコン、洗濯機
注意事項	①初回費用は一括払いです。 ②光熱費と水道代は別途お支払頂きます。 ③一度支払った費用は払い戻し致しません。 ④寮は最低6か月契約となります。 ⑤布団は別途購入して頂きます。
継続利用の場合	6か月経過後も利用する場合は、退寮予定日の2か月前に申し込まなければなりません。

Phòng đơn	
Cụ thể	
Diện tích phòng	Khoảng 10m ² + bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh
Thiết bị	tủ lạnh, máy làm nóng nước, điều hòa, máy giặt
Những điều cần lưu ý	① Thanh toán 1 lần dứt điểm các chi phí ban đầu ② Tiền nước và tiền điện đã bao gồm trong tiền thuê phòng ③ Các khoản đã nộp sẽ không hoàn trả lại ④ Hợp đồng thuê phòng ở kí túc xá sẽ kéo dài ít nhất 6 tháng ⑤ Tiền mua chăn đệm sẽ tính riêng
Trường hợp muốn sử dụng tiếp kí túc xá	Trường hợp muốn gia hạn hợp đồng thuê phòng kí túc xá sau 6 tháng đầu tiên, học sinh cần đăng ký gia hạn trước ngày hết hạn hợp đồng 2 tháng.

Shin-Matsudo

住みやすく、安心して勉強できる留学生の街、新松戸。 都心へのアクセスも便利。

Shin-Matsudo - điểm kết nối tiện lợi vào trung tâm thành phố - khu phố của du học sinh, nơi bạn có thể yên tâm học tập và sinh sống.

明生情報ビジネス専門学校がある新松戸はJR常磐線と武蔵野線、流山線が走る街。生活に必要な店も充実しています。

Shin-Matsudo - nơi có Trường Trung cấp kinh doanh - thông tin Meisei, với tuyến JR Joban, tuyến Musashino và đường sắt Nagareyama chạy qua; nơi có các cửa hàng phục vụ đầy đủ những gì cần thiết cho cuộc sống của bạn.

万一の病気に Trường hợp ốm đau:

新松戸中央総合病院は400床以上を誇る大きな総合病院であり、様々な病気の診療が可能です。学校から徒歩2分の近い場所にあります。

Bệnh viện tổng hợp Shin-Matsudo tự hào là bệnh viện tổng hợp lớn với quy mô trên 400 giường bệnh, có thể chẩn đoán được nhiều bệnh, nằm ngay gần trường, đi bộ khoảng 2 phút.

困ったら学校の
学生支援課へ
Khi gặp khó khăn, bạn
hãy đến trao đổi với
Ban Hỗ trợ học sinh của
Nhà trường

ヘルス&ビューティー Sức khỏe và làm đẹp:

ドラッグストアの最大手マツモトキヨシ、本社はここ新松戸にあります。新松戸発だったのでですね。

Nhà thuốc Matsumoto Kiyoshi - Nhà thuốc có hệ thống lớn nhất trong số các nhà thuốc với trụ sở chính ở ngay Shin-Matsudo.

お買い物 Mua sắm:

駅近くにはコンビニもスーパーもあって、買い物が非常に便利です。

Gần ga có những cửa hàng tiện lợi 24h và siêu thị, rất tiện lợi cho việc mua sắm.

銀行・郵便局 Ngân hàng - Bưu điện:

千葉銀行、みずほ銀行など多くの銀行や郵便局が学校近くにありまます。

Gần trường học có nhiều bưu điện và ngân hàng như: ngân hàng Chiba, ngân hàng Mizuho..vv.



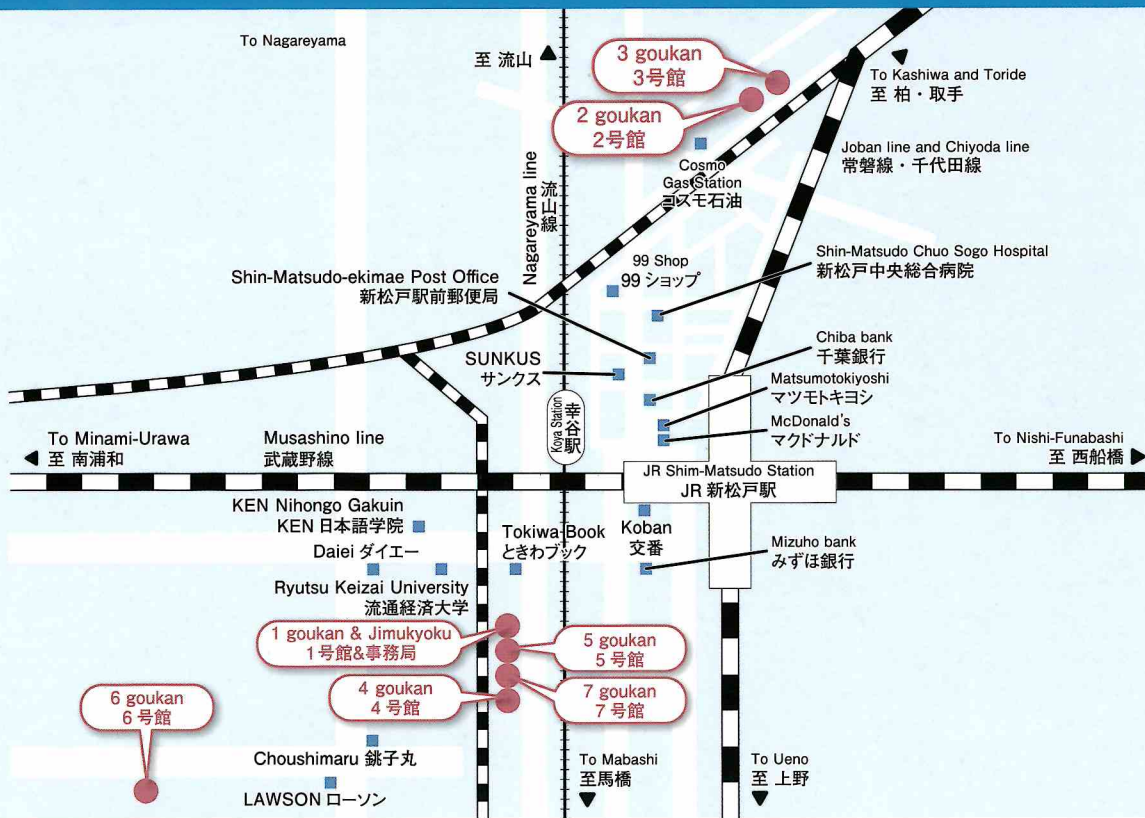
路線図 Bản đồ tuyến đường



新松戸までの時間 Thời gian đến Shim-Matsudo

東京駅 Ga Tokyo	>	45分 45 phút
西船橋 Nishifunabashi	>	15分 15 phút
秋葉原 Akihabara	>	30分 30 phút
池袋 Ikebukuro	>	40分 40 phút
成田空港 Sân bay Narita	>	50分 50 phút
羽田空港 Sân bay Haneda	>	70分 70 phút

学校案内図 School Area Map



学校法人朝日学園 明生情報ビジネス専門学校日本語科

日本語教育振興協会認定校 法務省告示校
〒270-0034 千葉県松戸市新松戸 3-440 (6号館) TEL:047-346-2211 FAX:047-346-9090
(JR 常磐線・武蔵野線 新松戸から徒歩13分)

Hệ thống Trường Asahi Gakuen Khoa tiếng Nhật. Trường Trung cấp kinh doanh - thông tin MEISEI

Trường được công nhận bởi Bộ Pháp vụ và Hiệp hội khuyến khích giáo dục tiếng Nhật
3-440 Shin-Matsudo, Matsudo-shi, Chiba. 270-0034 (trụ sở số 6) TEL:047-346-2211 FAX:047-346-9090
(JR Joban Line, Musashino Line. Từ ga Shinmatsudo đi bộ hết 13 phút)

HP <http://www.mjal.jp/>

✉ jpl@meisei-mic.ac.jp

meisei-mic

f <https://www.facebook.com/meisei/jpl/>